

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 43



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Lê Hồng Thái	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2011)
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2011)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011, miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2011)
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đã ký và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2011



Số: 170 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 4 đến trang 43. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ngô Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

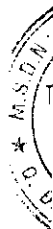
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		11.082.018.722.281	7.784.691.074.575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.512.648.522.998	1.521.462.242.415
1. Tiền	111		770.392.056.362	752.577.242.415
2. Các khoản tương đương tiền	112		742.256.466.636	768.885.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	451.362.924.232	512.121.623.382
1. Đầu tư ngắn hạn	121		461.684.820.198	542.079.662.558
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.321.895.966)	(29.958.039.176)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.002.671.141.992	3.843.648.175.921
1. Phải thu khách hàng	131		1.839.015.240.269	1.335.726.743.034
2. Trả trước cho người bán	132		2.232.278.157.676	1.364.586.771.573
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		954.136.018.507	324.231.456.035
4. Các khoản phải thu khác	135	7	1.058.511.495.524	865.252.016.772
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(81.269.769.984)	(46.148.811.493)
IV. Hàng tồn kho	140	8	2.679.603.241.723	1.653.077.199.979
1. Hàng tồn kho	141		2.679.603.241.723	1.655.636.586.082
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.559.386.103)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		435.732.891.336	254.381.832.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.029.811.287	10.177.342.170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		172.675.927.398	115.916.645.701
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.417.969.326	836.582.896
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	208.609.183.325	127.451.262.111



Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		6.349.038.534.682	4.719.003.694.195
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.636.682.161	4.924.138.051
1. Phải thu dài hạn khác	218		5.636.682.161	4.924.138.051
II. Tài sản cố định	220		3.393.252.771.705	1.881.129.076.939
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	778.474.284.625	634.403.109.549
- Nguyên giá	222		1.077.605.472.540	875.582.902.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(299.131.187.915)	(241.179.793.449)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	69.532.811.565	49.303.514.694
- Nguyên giá	225		77.088.650.128	52.282.269.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.555.838.563)	(2.978.754.718)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	186.558.764.268	112.496.607.935
- Nguyên giá	228		189.432.578.388	114.117.020.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.873.814.120)	(1.620.412.737)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	2.358.686.911.247	1.084.925.844.761
III. Bất động sản đầu tư	240	14	297.513.566.274	181.591.372.527
- Nguyên giá	241		301.420.826.631	183.265.880.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.907.260.357)	(1.674.507.473)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.014.721.421.235	2.019.022.011.341
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	711.569.447.177	1.086.795.007.423
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	1.318.501.905.459	934.555.435.319
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(15.349.931.401)	(2.328.431.401)
V. Tài sản dài hạn khác	260		570.424.971.593	565.036.158.383
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	423.292.225.405	500.424.809.171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		15.252.127.427	21.706.064.478
3. Tài sản dài hạn khác	268		131.880.618.761	42.905.284.734
VI. Lợi thế thương mại	269	19	67.489.121.714	67.300.936.954
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		17.431.057.256.963	12.503.694.768.770

0011
CÔN
GH NHI
GELI
VIỆT
001

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		11.331.644.851.086	7.617.308.073.726
I. Nợ ngắn hạn	310		9.906.709.109.713	6.799.694.215.437
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	3.855.454.441.019	2.825.257.446.474
2. Phải trả người bán	312		1.417.664.142.326	1.397.432.563.849
3. Người mua trả tiền trước	313		3.009.839.175.634	1.317.226.709.025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	60.246.829.673	138.493.444.565
5. Phải trả người lao động	315		180.503.615.177	154.033.862.547
6. Chi phí phải trả	316	22	622.868.382.919	263.639.766.467
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	731.737.895.398	694.873.341.600
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		74.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		28.320.627.567	8.737.080.910
II. Nợ dài hạn	330		1.424.935.741.373	817.613.858.289
1. Phải trả dài hạn người bán	331		93.304.053	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		85.228.276.290	123.448.835.752
3. Vay và nợ dài hạn	334	24	1.220.427.834.113	602.890.306.876
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		14.501.155.547	14.665.844.638
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.935.988.761	1.923.490.485
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		27.833.757.019	20.676.087.565
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		74.915.425.590	54.009.292.973
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		2.988.805.796.707	2.920.900.450.172
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	2.988.805.796.707	2.920.900.450.172
1. Vốn điều lệ	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.720.686.603	2.784.109.156
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.563.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.585.745.710)	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(15.676.965.928)
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		62.874.032.469	28.447.405.122
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		53.985.988.116	19.133.566.885
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.456.076.669	544.719.133
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		365.791.482.316	382.604.339.560
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.110.606.609.170	1.965.486.244.872
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		17.431.057.256.963	12.503.694.768.770

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN/HN**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

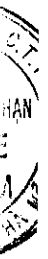
	Đơn vị	30/06/2011	31/12/2010
Tài sản thuê ngoài	VND	675.000.000	-
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	-	51.156.113
Ngoại tệ các loại:			
- USD	USD	78.674	845.697
- EUR	EUR	8	8



Nguyễn Mạnh Tiến
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2011

Phạm Tiên Đạt
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.620.805.789.284	2.828.811.693.896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.909.780.340	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	26	4.610.896.008.944	2.828.811.693.896
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	3.988.234.359.670	2.469.721.763.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		622.661.649.274	359.089.929.965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	206.578.044.774	247.956.332.853
7. Chi phí tài chính	22	29	169.026.608.213	45.730.127.526
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		165.433.573.970	36.793.370.405
8. Chi phí bán hàng	24		8.685.324.431	491.491.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		362.624.034.850	176.739.231.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		288.903.726.554	384.085.411.866
11. Thu nhập khác	31		10.331.662.195	116.294.205.548
12. Chi phí khác	32		9.416.036.997	5.605.719.380
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		915.625.198	110.688.486.168
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		11.032.038.366	39.767.199.897
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		300.851.390.118	534.541.097.931
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	68.058.147.707	105.542.090.754
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(432.468.459)	16.259.991.582
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		233.225.710.870	412.739.015.595
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		101.138.446.395	42.393.176.014
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		132.087.264.475	370.345.839.581
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	528	2.416



Nguyễn Mạnh Tiến
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2011

Phạm Tiến Đạt
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>300.851.390.118</i>	<i>534.541.097.931</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	68.152.766.999	35.794.054.477
Các khoản dự phòng	03	25.959.427.454	5.938.504.605
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.046.684.517)	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(160.372.288.331)	(247.717.132.230)
Chi phí lãi vay	06	165.433.573.970	36.793.370.405
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>398.978.185.694</i>	<i>365.349.895.188</i>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(1.531.973.114.752)	(155.148.260.937)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.023.966.655.641)	75.608.074.516
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.498.118.897.705	(797.165.328.479)
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	(5.388.813.210)	(17.288.962.029)
Tiền lãi vay đã trả	13	(221.611.709.158)	(42.034.925.281)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(41.592.024.496)	(38.887.649.671)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	117.117.603.863	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(194.176.012.495)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(4.493.642.490)</i>	<i>(609.567.156.693)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(989.892.150.829)	(153.810.869.349)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	81.818.182	2.266.243.261
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(403.081.666.666)	(102.701.765.196)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	401.081.666.666	110.863.331.205
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(767.305.619.074)	(311.439.454.570)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	214.765.217.494	29.853.196.210
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	160.372.288.331	20.489.837.835
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.383.978.445.896)</i>	<i>(404.479.480.604)</i>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	936.577.447	1.416.500.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.634.829.408.385	1.181.523.090.392
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(987.094.886.603)	(1.005.154.202.025)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.515.019.783)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(267.497.710.477)	(150.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	1.379.658.368.969	1.442.868.888.367
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i> (50 = 20+30+40)	50	(8.813.719.417)	428.822.251.070
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.521.462.242.415	474.324.360.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.512.648.522.998	903.146.611.468

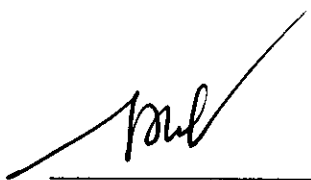
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong kỳ không bao gồm số tiền 98.377.835.594 VND (từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 là 8.994.667.954 VND), là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Mạnh Tiên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2011


Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 532/QĐ-TTCC ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam") đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Ngày 19 tháng 08 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.500.000.000.000 VND, được chia thành 250.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam nắm giữ là 1.030.222.220.000 VND, chiếm 41,21%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 6.388 người (31 tháng 12 năm 2010: 8.845 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bên cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp và kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất năm của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

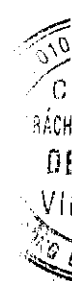
Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2011
	đến ngày 30/6/2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản khác	3 - 7

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2011</u> <u>đến ngày 30/6/2011</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị		8 - 12
Phương tiện vận tải		3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Cụ thể:

- Quyền sử dụng 1.218 m² đất lâu dài và 307,6 m² đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyền sử dụng với thời hạn sử dụng là 50 năm thừa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m²; thừa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² và thừa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m².

Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web

Giá trị phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và chi phí xây dựng trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 20 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng, chi phí phân bổ gián giáo cấp pha, lợi thế kinh doanh, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất, hạ tầng và văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giàn giáo cấp pha được trình bày theo nguyên giá trừ đi phần giá trị đã phân bổ lũy kế. Giàn giáo cấp pha được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6,5 năm.

Chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ qua Sàn giao dịch Bất động sản - Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam (dự án Petrovietnam Landmark tại phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh) được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ doanh thu được ghi nhận trong năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

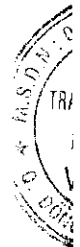
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khi công trình xây dựng nhà xưởng, văn phòng của Tổng Công ty hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 5 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	30.343.474.064	17.929.185.302
Tiền gửi ngân hàng	740.048.582.298	734.648.057.113
Các khoản tương đương tiền (i)	742.256.466.636	768.885.000.000
	<u>1.512.648.522.998</u>	<u>1.521.462.242.415</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền ủy thác quản lý vốn tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam và các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại khác có kỳ hạn từ một đến ba tháng, lãi suất 14%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	461.684.820.198	542.079.662.558
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(10.321.895.966)	(29.958.039.176)
	<u>451.362.924.232</u>	<u>512.121.623.382</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (i) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 chủ yếu thể hiện các khoản đầu tư vào các công ty sau:

	<u>30/06/2011</u>
	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí Sông Hồng (Nha Trang - PVIN)	33.700.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Petrowaco	16.764.968.199
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC-FECON	37.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess	6.936.563.433
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao - Mai Bến Đình	118.510.550.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) (i)	112.235.136.139	304.707.415.833
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	-	140.660.487.797
Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) (ii)	97.001.270.995	97.232.849.077
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland)	-	60.874.469.227
Tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVR)	-	48.124.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) (iii)	180.929.056.451	40.814.222.268
Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC Land)	-	35.214.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (iv)	200.000.000.000	
Tổng Công ty khí Việt Nam (PVGas) (v)	95.261.250.000	
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) (vi)	46.964.436.567	
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC) (vii)	26.179.097.064	
Phải thu khác	299.941.248.308	137.623.772.570
	<u>1.058.511.495.524</u>	<u>865.252.016.772</u>

- (i) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để IDICO Long Sơn nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)

- (ii) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 và khoản tiền nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9.
- (iii) Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, mục đích để PVC-SG nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.
- (iv) Khoản tiền 200 tỷ Tổng Công ty hỗ trợ cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh trong thời gian Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh tăng vốn theo Hợp đồng Tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011.
- (v) Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) từ việc bán cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID) theo Hợp đồng số 37/2011/PVGas/TC-PVC/D4 ngày 04 tháng 3 năm 2011.
- (vi) Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) từ việc bán cổ phần Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard) theo Hợp đồng số 60/2011 ngày 23 tháng 3 năm 2011.
- (vii) Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC) từ việc bán cổ phần Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 40/HĐ-PVC-PVEIC ngày 03 tháng 6 năm 2011.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	144.961.006.203	83.552.463.680
Công cụ, dụng cụ	8.891.839.301	4.347.035.628
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.415.959.242.229	1.386.863.387.694
Thành phẩm	40.388.539.892	32.791.124.230
Hàng hóa	69.402.614.098	145.162.818.659
Hàng gửi đi bán	-	2.919.756.191
	<u>2.679.603.241.723</u>	<u>1.655.636.586.082</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.559.386.103)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>2.679.603.241.723</u>	<u>1.653.077.199.979</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí đã thế chấp quyền sử dụng đất của Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất của Dự án Chung cư Petroland quận 2 và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư của các dự án này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	143.541.572.204	93.620.100.057
Các khoản cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	65.000.686.861	33.617.693.743
Tài sản thiếu chờ xử lý	66.924.260	213.468.311
	<u>208.609.183.325</u>	<u>127.451.262.111</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	93.261.555.019	501.401.608.461	222.030.228.502	55.553.865.207	3.335.645.809	875.582.902.998
Tăng do mua sắm	1.282.619.445	142.080.674.564	28.444.610.092	7.504.115.179	31.019.936	179.343.039.216
Xây dựng cơ bản hoàn thành	665.964.268	-	-	-	-	665.964.268
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	30.304.878.082	96.671.429	12.243.017.823	4.237.146.995	-	46.881.714.329
Thanh lý, nhượng bán	-	(290.772.727)	-	(813.939.194)	-	(1.104.711.921)
Giảm do không hợp nhất công ty con (ii)	(7.838.686.393)	(104.326.906)	(11.752.303.479)	(3.858.442.343)	(16.747.400)	(23.570.506.521)
Giảm khác	-	(100.833.335)	-	(92.096.494)	-	(192.929.829)
Phân loại lại	-	3.028.760.000	(3.028.760.000)	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	117.676.330.421	646.111.781.486	247.936.792.938	62.530.649.350	3.349.918.345	1.077.605.472.540
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	14.593.150.276	133.995.059.876	68.162.999.230	22.234.852.568	2.193.731.499	241.179.793.449
Trích khấu hao trong kỳ	4.153.130.323	33.739.282.248	16.053.236.264	6.383.337.360	244.333.393	60.573.319.588
Tăng do hợp nhất các công ty con (i)	1.814.774.652	21.071.238	4.390.936.134	2.121.608.299	-	8.348.390.323
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.450.225)	-	(435.805.502)	-	(462.255.727)
Phân loại lại	(74.659.673)	74.659.673	-	-	-	-
Giảm do không hợp nhất công ty con (ii)	(1.854.710.121)	(36.625.794)	(6.314.712.415)	(2.186.206.553)	(16.747.400)	(10.409.002.283)
Giảm khác	-	(11.203.704)	-	(87.853.731)	-	(99.057.435)
Tại ngày 30/06/2011	18.631.685.457	167.755.793.312	82.292.459.213	28.029.932.441	2.421.317.492	299.131.187.915
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2011	99.044.644.964	478.355.988.174	165.644.333.725	34.500.716.909	928.600.853	778.474.284.625
Tại ngày 31/12/2010	78.668.404.743	367.406.548.585	153.867.229.272	33.319.012.639	1.141.914.310	634.403.109.549

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

(i) Từ ngày 31 tháng 3 năm 2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình), Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC Land), Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) là công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là: 142.343.955.938 VND (31 tháng 12 năm 2010 là: 208.309.033.935 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 36.956.626.799 VND (31 tháng 12 năm 2010: 17.375.833.294 VND).

(ii) Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí (PV Pipe) và Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino) không còn là công ty con của Tổng Công ty lần lượt từ ngày 22 tháng 6 năm 2011 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	41.239.045.817	11.043.223.595	52.282.269.412
Thuê tài chính trong kỳ	3.055.848.163	21.750.532.553	24.806.380.716
Phân loại lại	(32.058.890.908)	32.058.890.908	-
Tại ngày 30/06/2011	12.236.003.072	64.852.647.056	77.088.650.128
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	1.622.354.527	1.356.400.191	2.978.754.718
Khấu hao trong kỳ	412.373.595	4.164.710.250	4.577.083.845
Phân loại lại	(1.622.354.527)	1.622.354.527	-
Tại ngày 30/06/2011	412.373.595	7.143.464.968	7.555.838.563
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/06/2011	11.823.629.477	57.709.182.088	69.532.811.565
Tại ngày 31/12/2010	39.616.691.290	9.686.823.404	49.303.514.694

12500
NG T
HIỆM HỮ
LOITI
T NA
- TP